

THÔNG BÁO

Kết quả thẩm định dự toán thu chi các khoản thu năm học 2020-2021 Trường Tiểu học Phong Hải

Thực hiện công văn số 2422/SGDĐT-KHTC ngày 16/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2020-2021.

Sau khi thẩm định Dự toán thu-chi các khoản thu năm học 2020 - 2021 của Trường Tiểu học Phong Hải, Phòng Giáo dục và Đào tạo đồng ý các nội dung như sau:

Số TT	Nội dung	Mức thu	Phương án thu
I	Khoản thu theo quy định:		
1	Bảo hiểm y tế:	563.220 đồng/hs/12 tháng	Thu 1 lần/năm học (khối lớp 1 thu 2 lần/năm học)
II	Khoản thu theo thỏa thuận:		
1	Tiền nước uống học sinh	90.000 đồng/hs/năm học	Thu 1 lần/năm học
2	Tiền chi phí hoạt động vệ sinh chung	90.000 đồng/hs/năm học	Thu 1 lần/năm học
3	Thu thỏa thuận phục vụ học sinh bán trú		
3.1	Tiền ăn (bao gồm cả chất đốt)	19.000 đồng/hs/ngày	Tạm thu đầu tháng, cuối tháng quyết toán theo số ngày chấm ăn thực tế.
3.2	Tiền thuê người nấu ăn bán trú	63.000 đồng/hs/tháng	Thu theo tháng tham gia bán trú của học sinh
3.3	Tiền quản lý trông trưa và tổ chức ăn bán trú	94.000 đồng/hs/tháng	Thu theo tháng tham gia bán trú của học sinh
3.4	Tiền điện sinh hoạt phục vụ học sinh ăn, nghỉ buổi trưa (không điều hòa)	1.000 đồng/hs/tháng	Thu theo tháng tham gia bán trú của học sinh
3.5	Tiền mua sắm vật dụng tiêu hao phục vụ bán trú	10.000 đồng/hs/tháng	Thu theo tháng tham gia bán trú của học sinh
3.6	Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú bổ sung hàng năm	40.000 đồng/hs/năm học	Thu 1 lần đối với học sinh tham gia bán trú khối 2,3,4,5
3.7	Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú lần đầu	300.000 đồng/hs/năm học	Thu 1 lần đối với học sinh tham gia bán trú lần đầu

Số TT	Nội dung	Mức thu	Phương án thu
III	Khoản thu dịch vụ		
1	Giáo dục kỹ năng sống: Thực hiện theo đề án đã được phê duyệt	70.000 đồng/hs/tháng	Học 1 tiết/tuần. Thu theo tháng thực học của học sinh
2	Tiền học tiếng Anh có người nước ngoài giảng dạy: Thực hiện theo đề án đã được phê duyệt	120.000 đồng/hs/tháng	Học 1 tiết/tuần. Thu theo tháng thực học của học sinh
3	Tiền học tiếng Anh dành cho học sinh lớp 1. Thực hiện theo đề án đã được phê duyệt	70.000 đồng/hs/tháng	Học 2 tiết/tuần. Thu theo tháng thực học của học sinh

Đối với kinh phí hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. (Lưu ý: Không ấn định mức thu, không quy định mức kinh phí đóng góp, ủng hộ bình quân. Ban đại diện cha mẹ học sinh chỉ được phép huy động kinh phí cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp và phải đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, phải công khai dự toán, quyết toán tại cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp và các cuộc họp toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường).

Trường Trường Tiểu học Phong Hải có trách nhiệm thực hiện thu, chi, quản lý và công khai dự toán, quyết toán các khoản thu theo quy định. Kết quả thực hiện thu - chi phải quyết toán theo đúng quy định. Tuyệt đối không được dùng khoản thu này để điều chuyển hoặc chi cho nội dung, mục đích khác. Trường hợp cuối năm học số kinh phí còn dư thì chuyển sang năm sau và giảm thu hoặc trả lại cho học sinh.

Phòng Giáo dục và Đào tạo yêu cầu đơn vị thực hiện nghiêm ýt, phổ biến công khai văn bản này kèm theo dự toán thu chi đã được thẩm định tại bảng thông tin, website của nhà trường, tới toàn thể cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh trong nhà trường để biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

Nơi nhận:

- Trường TH Phong Hải (T/h);
- Lưu: VT, KT./.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Thủy

Phong Hải, ngày 21 tháng 9 năm 2020

DỰ TOÁN THU - CHI CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2020-2021

Căn cứ công văn số 2422/SGDĐT-KHTC ngày 16/9/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn triển khai thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục năm học 2020-2021;

Căn cứ công văn số 402/BHXH-BPT ngày 31/08/2020 của BHXH thị xã Quảng Yên về việc “Triển khai thực hiện Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2020-2021”;

Trường Tiểu học Phong Hải lập dự toán các khoản thu - chi của nhà trường trong năm học 2020-2021 với các nội dung như sau:

I. Khoản thu theo quy định

1. Bảo hiểm y tế

****Mức thu:***

+ Đối với học sinh không thuộc các hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình, mức đóng BHYT 01 học sinh/năm: = (mức lương cơ sở x 4,5% x số tháng sử dụng thẻ) x 70%.

+ Đối với học sinh thuộc các hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình, mức đóng BHYT 01 học sinh/năm: = (mức lương cơ sở x 4,5% x số tháng sử dụng thẻ) x 20%

Đối tượng thu	Thời gian sử dụng thẻ			
	Từ tháng 10/2020 đến 31/12/2021 (15 tháng)	Từ tháng 11/2020 đến 31/12/2021 (14 tháng)	Từ tháng 12/2020 đến 31/12/2021 (13 tháng)	Từ tháng 01/2021 đến 31/12/2021 (12 tháng)
Học sinh không thuộc các hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình	704.025đ	657.090đ	610.155đ	563.220đ
Học sinh thuộc các hộ gia đình nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình	201.150đ	187.740đ	174.330đ	160.920đ

****Phương án thu:***



Đối với học sinh khối 1 thu 2 lần/ năm học
Đối với học sinh khối 2,3,4,5 thu một lần/ năm học

II. Khoản thu theo thỏa thuận

1. Tiền nước uống (Học sinh học 2 buổi)

Sĩ số học sinh năm học 2020-2021: 664 học sinh

Tổng số lượng nước tiêu thụ trong năm học 2019-2020: 45.000 lít/ 673 học sinh.

Dự kiến số lượng nước tiêu thụ năm học 2020-2021 như sau:

-Số lượng nước tiêu thụ của 01 học sinh uống trong 1 tháng:

$0,35 \text{ lít/hs/ngày} \times 22 \text{ ngày/tháng} = 7,7 \text{ lít/tháng/học sinh}$

-Số lượng nước tiêu thụ trong năm học của cả trường:

$7,7 \text{ lít/tháng/hs} \times 664 \text{ hs} \times 9 \text{ tháng} = 46.015 \text{ lít}$ (trương ứng là: 2.300 bình)

-Số tiền trả cho bên cung cấp nước: $2.300 \text{ bình} \times 22.000 \text{ đ/bình} =$

50.600.000 đ

-Tiền thuê người quản lý và vận chuyển nước: $400.000 \text{ đ/tháng} \times 9 \text{ tháng} \times 2 \text{ người} = 7.200.000 \text{ đồng}$

-Tiền mua ca, cốc, giá để bình nước...: $23 \text{ lớp} \times 100.000 \text{ đ/lớp} =$

2.300.000 đ

-Dư năm trước chuyển sang: 0 đ

Cộng số tiền chi cho khoản thu nước uống toàn trường là: 60.100.000 đồng

Chia bình quân trên một học sinh: $60.100.000 \text{ đồng} : 664 \text{ hs} = 90.512 \text{ đ/hs}$

Như vậy, định mức thu tiền nước uống 1 học sinh là: 90.000

đ/hs/năm học

Phương án thu: Thu một lần vào đầu năm học

2. Thu học phí nội dung tăng cường kỹ năng nghe, nói cho học sinh có sự tham gia của người nước ngoài giảng dạy

***Mức thu: 120.000đ/HS/tháng** (Thực hiện theo đề án chương trình học tiếng anh có yếu tố người nước ngoài được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo thông báo số 499/TB-PGD&ĐT ngày 26/8/2020)

Đây là môn học tự chọn, phụ huynh có nhu cầu cho con tham gia môn học đăng ký và có đơn tự nguyện xin học.

Phương án thu: Thu theo tháng

3. Tiền Tiếng Anh tự chọn (đối với học sinh khối 1)

***Mức thu: 70.000đ/HS/tháng**

Sau khi Đề án được phê duyệt nhà trường sẽ tiến hành triển khai đến toàn thể phụ huynh học sinh. Đây là môn học tự chọn, phụ huynh có nhu cầu cho con tham gia môn học đăng ký và có đơn tự nguyện xin học.

Phương án thu: Thu theo tháng.

4. Khoản thu giáo dục kỹ năng sống:

***Mức thu: 70.000đ/HS/tháng** (Thực hiện theo đề án chương trình giáo dục kỹ năng sống được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo thông báo số 498/TB-PGD&ĐT ngày 26/8/2020)

Đây là môn học tự chọn, phụ huynh có nhu cầu cho con tham gia môn học đăng ký và có đơn tự nguyện xin học.

Phương án thu: Thu theo tháng.

5. Tiền vệ sinh trường lớp (Học sinh học 2 buổi)

Sĩ số học sinh năm học 2020-2021: 664 học sinh – 22 lớp

-Tiền công trả cho lao công:

Cơ sở chính: 02 người x 2.000.000 đ/tháng x 9 tháng = 36.000.000 đồng

Cơ sở 2: 01 người x 800.000 đ/người x 9 tháng = 7.200.000 đồng

-Tiền mua giấy vệ sinh cho học sinh dùng: 664 học sinh x 0,5 cuộn/tháng x 9 tháng = 2.988 cuộn (Tương đương 298 bịch/năm học)

Số tiền dự kiến: 298 bịch x 55.000 đ = 16.390.000 đồng

Cộng số tiền chi cho khoản thu tiền vệ sinh trường lớp là: 59.590.000 đ

Chia bình quân trên một học sinh: 59.590.000 đồng : 664 hs = 89.743 đ/hs

Như vậy, định mức thu tiền VSMT -1 học sinh là: 90.000 đ/hs/năm học

Phương án thu: Thu một lần vào đầu năm học

6. Thu phục vụ học sinh bán trú: (Dự kiến 234 học sinh)

6.1. Tiền ăn:

Hiện nay trên thị trường thị xã Quảng Yên có cơ sở cung cấp thực phẩm Thái An là cơ sở đang cung cấp thực phẩm cho các đơn vị trường học trên địa bàn thị xã, trong các năm học vừa qua nhà trường đã ký hợp đồng với cơ sở cung cấp thực phẩm Thái An, đây là cơ sở có đầy đủ tư cách pháp nhân và có uy tín về chất lượng dịch vụ trên địa bàn thị xã. Hàng hóa do cơ sở Thái An cung cấp đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, giá cả hợp lý. Do đó năm học 2020 – 2021 nhà trường tiếp tục thực hiện ký hợp đồng với cơ sở cung cấp thực phẩm Thái An để mua thực phẩm phục vụ học sinh ăn bán trú của nhà trường.

Căn cứ định mức ăn cho học sinh năm học 2019-2020 vừa qua, căn cứ giá cả thực phẩm thực tế trên thị trường thị xã Quảng Yên, căn cứ báo giá của cơ sở Thái An, nhà trường xây dựng định mức ăn cho học sinh năm học 2020-2021 như sau:

***Mức thu tiền ăn: 18.000 đ/ngày/học sinh** (Bao gồm 1 bữa chính và 1 bữa phụ).

***Phương án thu:** Hàng tháng căn cứ số ngày đi học của học sinh đầu tháng tạm thu tiền ăn, cuối tháng quyết toán tiền ăn của học sinh theo số ngày chấm ăn thực tế của học sinh.

6.2. Tiền chất đốt:

Căn cứ vào giá ga thực tế trên thị trường tháng 9/2020 (Hãng ga Total gaz), Căn cứ mức tiêu thụ chất đốt năm học 2019-2020:

Trung bình một tháng trong năm học 2019-2020 sử dụng hết 10 bình ga PETROLIMEX loại 12kg

Tổng tiền ga trong tháng: 10 bình x 365.000đ/bình = 3.650.000đ

Bình quân một ngày sẽ chi phí tiền ga là:

3.650.000đ/tháng : 16 ngày/tháng = 228.125đ

Bình quân một ngày ăn của một học sinh sẽ chi phí tiền ga là:

228.125 : 234 HS = 975đ/ngày/HS

***Vậy, Mức thu tiền chất đốt: 1.000đồng/học sinh/ngày**

***Phương án thu:** Hàng tháng căn cứ số ngày đi học của học sinh đầu tháng tạm thu tiền chất đốt, cuối tháng quyết toán tiền chất đốt của từng học sinh theo số ngày chấm ăn thực tế của học sinh.

X.H.C.
I.ONG
DUC
TAO
T.QUAN

6.3. Tiền thuê người nấu ăn:

Số người nấu ăn cho học sinh: 234 học sinh : 50 HS/người nấu = 4,7 người nấu

Căn cứ vào tình hình thực tế nhà trường dự kiến thuê 4 người nấu ăn
Căn cứ theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng, dự kiến kinh phí thuê nấu ăn là: 4 người nấu x 3.700.000đ/người nấu = 14.800.000đ

Bình quân một HS chi phí thuê người nấu ăn bán trú tại trường là:
14.800.000đ: 234 học sinh = 63.247đ/học sinh

***Mức thu tiền thuê công nấu ăn: 63.000 đồng/học sinh/tháng.**

***Phương án thu:** Thu theo tháng thực học của học sinh.

6.4. Tiền quản lý trông trưa

Được tính theo làm thêm giờ cho quản lý, giáo viên, nhân viên trực tiếp tham gia trực trưa cho học sinh ăn bán trú. Số giờ thanh toán cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý thực hiện công tác trực trưa cho học sinh ăn và ngủ theo thực tế. Căn cứ số học sinh đăng ký ăn bán trú, tiền bồi dưỡng cho người tham gia công tác trực trưa, cho học sinh ăn bán trú dự toán như sau:

Tổng cộng có 234 HS ăn bán trú chia làm 07 phòng ăn.

- Chi cho giáo viên: 7 người x 50.000đ/giờ x 3 giờ/ngày x 16 ngày/tháng = 16.800.000 đ/tháng

- Chi cho BGH: 2 người x 50.000đ/giờ x 1,5 giờ/ngày x 16 ngày/tháng = 2.400.000 đ/tháng

- Chi cho Y tế kiêm thủ quỹ: 1 người x 38.000đ/giờ x 3 giờ/ngày x 16 ngày/tháng = 1.824.000 đ/tháng

- Chi cho Kế toán: 1 người x 38.000đ/giờ x 1,5 giờ/ngày x 16 ngày/tháng = 912.000 đ/tháng

Cộng: 21.936.000đ/tháng

Chia bình quân trên một học sinh: 21.936.000đ/tháng: 234 hs = 93.743đồng/hs/tháng.

***Mức thu tiền quản lý trông trưa và tổ chức ăn bán trú: 94.000đ/học sinh/tháng**

***Phương án thu:** Thu theo tháng thực học của học sinh.

6.5. Tiền điện sinh hoạt phục vụ học sinh ăn, nghỉ buổi trưa:

*Điện quạt mát, điện thấp sáng:

06 quạt/phòng x 6 phòng x 0,06 KW/giờ x 3 giờ/ngày x 16 ngày/tháng x 1.948đ/KW = 201.968đ

08 bóng/phòng x 6 phòng x 0,02 KW/giờ x 2 giờ/ngày x 16 ngày/tháng x 1.948đ/KW = 59.842đ

Tổng cộng tiền điện phục vụ bán trú là: 201.968đ + 59.842đ = 261.810đ

Chia bình quân trên một học sinh: 261.810 đ/tháng: 234 hs = 1.118 đồng/hs/tháng.

***Mức thu tiền điện sinh hoạt phục vụ học sinh ăn, nghỉ buổi trưa: 1.000đ/học sinh/tháng.**

***Phương án thu:** Thu theo tháng thực học của học sinh.

6.6. Tiền nước phục vụ bán trú:

Tính thu tiền nước phục vụ nấu ăn bán trú: 800L/ ngày x 16 ngày/tháng = 12.800 lít (tương đương 12.8 khối). Vậy số tiền mua nước trong 1 tháng là: 13 m³ khối x 7.000đ = 91.000đ

Tiền nước sinh hoạt được tính vào tiền tiêu hao vật tư

6.7. Tiền mua sắm vật dụng tiêu hao phục vụ bán trú:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước rửa bát (can 3 lít)	Can	4	120.000	480.000
2	Sắt đánh nồi	cái	6	5.000	30.000
3	Găng tay cao su	Đôi	6	25.000	150.000
4	Găng tay li lông	Hộp	6	25.000	150.000
5	Lưới rửa bát	Cái	5	5.000	25.000
7	Cây lau nhà	Cái	1	150.000	150.000
8	Nước lau sàn	Can	3	120.000	360.000
9	Nước rửa tay (HS)	Lọ	8	35.000	280.000
10	Bàn chải	Cái	2	10.000	20.000
11	Gáo nhựa	Cái	1	10.000	10.000
12	Xà phòng (1kg)	Gói	2	75.000	150.000
13	Giấy vệ sinh	Ló	4	65.000	260.000
14	Chổi bông	Cái	02	35.000	70.000
15	Chổi quét nước	Cái	01	35.000	35.000
16	Nước máy	M ³	13	7.000	91.000
	Tổng cộng				2.261.000

- Chia bình quân trên một học sinh: 2.261.000đ : 234 hs = 9.662 đ/hs/tháng.

***Mức thu tiền mua sắm vật dụng tiêu hao phục vụ bán trú: 10.000đ/hs/tháng.**

***Phương án thu:** Thu theo tháng thực học của học sinh.

6.8. Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú:



Nhu cầu bổ sung vật dụng dùng chung phục vụ bán trú như sau:

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	<i>Vật dụng dùng chung phục vụ bán trú ban đầu (khối 1)</i>				18.000.000
1	Quạt cây Hoa Phượng	cái	1	650.000	650.000
2	Quạt treo tường	cái	1	380.000	380.000
3	Bàn nhựa gấp 90 -50	Cái	7	300.000	2.100.000
4	Ghế nhựa 970	Cái	30	70.000	2.100.000
5	Chăn mùa hè	Cái	16	320.000	5.120.000
6	Chăn mùa đông	cái	17	450.000	7.650.000
II	<i>Vật dụng dùng chung phục vụ bán trú khối 2,3,4,5</i>				7.000.000
1	Chậu lóc đựng thực phẩm chín	cái	6	150.000	900.000
2	Bàn xẻng để xào rau	Cái	2	50.000	100.000
3	Nồi chia thực phẩm	cái	6	150.000	900.000
4	Chảo rán	Cái	1	350.000	350.000
5	Chảo xào P70	cái	1	600.000	600.000
6	Chậu nhựa (loại nhỏ)	Cái	3	80.000	240.000
7	Thùng nhựa đựng gạo, đựng nước lọc 120 lít	Cái	2	250.000	500.000
8	Rổ nhựa to	Cái	4	100.000	400.000
9	Dao chặt	Cái	2	150.000	300.000
10	Dao thái	Cái	4	100.000	400.000
11	Muôi lỗ	Cái	2	60.000	120.000

12	Đũa nấu	Đôi	5	6.000	30.000
13	Muôi chia cơm, canh	Cái	4	20.000	80.000
14	Dao gọt nhỏ	Cái	02	15.000	30.000
15	Gáo lóc có cán mức canh	Cái	02	90.000	180.000
16	Chiếu	cái	02	150.000	300.000
17	Thớt to loại đẹp	Cái	2	450.000	900.000
18	Thớt nhỏ loại đẹp	Cái	1	330.000	330.000
19	Lọc cua loại to	Cái	1	100.000	100.000
20	Rổ nhựa (loại nhỏ)	Cái	3	80.000	240.000
	Tổng Cộng				25.000.000

Chia bình quân trên một học sinh

+Vật dụng dùng chung phục vụ bán trú ban đầu (khối 1):

18.000.000đ : 60 hs = 300.000 đ/hs/năm học.

+Vật dụng dùng chung phục vụ bán trú khối 2,3,4,5:

7.000.000đ : 174 hs = 40.229 đ/hs/năm học.

**Mức thu tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú lần đầu (khối 1): 300.000 đ/hs/năm học.*

**Mức thu tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú khối 2,3,4,5: 40.000 đ/hs/năm học.*

**Phương án thu: Thu 1 lần vào học kì 1*

III. Đối với kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:

Thực hiện theo quy định tại điều 10 của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Ban hành theo thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ giáo dục)

Không ấn định mức thu, không quy định mức kinh phí đóng góp, ủng hộ bình quân.

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp vận động phụ huynh trong lớp tự nguyện ủng hộ kinh phí quỹ cha mẹ học sinh lớp.

Sau khi hoàn thành việc huy động, phụ huynh trong lớp thống nhất trích 1 phần kinh phí của ban đại diện CMHS các lớp về cho ban đại diện CMHS trường hoạt động.

IV. Nguyên tắc thu- chi :

Đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, đảm bảo công khai.

Thực hiện hạch toán thu chi theo đúng quy định hiện hành.

Nếu có biến động tăng giảm số lượng học sinh tham gia các khoản thu theo thỏa thuận nhà trường cùng với Ban đại diện CMHS sẽ có sự điều chỉnh

phù hợp bằng văn bản và thống nhất công khai tới toàn thể hội CMHS toàn trường.

V.Tổ chức thực hiện :

Nhà trường có trách nhiệm quyết toán công khai các khoản thu trước cha mẹ học sinh vào cuộc họp phụ huynh học sinh các lớp cuối năm học.

Dự toán được thông qua Hội đồng nhà trường, ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và trình Phòng Giáo dục và Đào tạo Quảng Yên thẩm định.

Phong Hải, ngày 21 tháng 9 năm 2020

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Bé

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Lan